

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu Ngân hàng trong ngày hôm nay. Sau một ngày giằng co trong vùng 1,853 – 1,880, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,867.90 điểm, tăng hơn 12 điểm so với hôm qua. 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tiện ích. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Tâm lý thị trường vẫn khá e dè khi giao dịch tại vùng giá cao, thể hiện ở số mã giảm nhiều áp đảo số mã tăng. Trong ngắn hạn, VN-Index có thể tích lũy nền ngắn hạn trong vùng 1,850 – 1,890.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+12.34** điểm, đóng cửa tại **1867.9** điểm. HNX-Index **-2.00** điểm, đóng cửa tại **247.1** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+8.32)**, **BID (+4.89)**, **CTG (+3.17)**, **GAS (+3.05)**, **GVR (+1.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.66)**, **VIC (-1.00)**, **HDB (-0.73)**, **VCK (-0.67)**, **STB (-0.67)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **36,107** tỷ đồng, giảm **-0.22%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 39,276 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 27 điểm. Thị trường có **107** mã tăng, 53 mã tham chiếu, **219** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **804.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (540.45 tỷ)**, **VHM (264.45 tỷ)**, **MBB (240.03 tỷ)**, **BID (223.32 tỷ)**, **CTG (138.96 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **13.40** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.13%**. Các mã diễn biến tích cực:
BID (+6.97%) [\(Link báo cáo\)](#)
VCB (+6.75%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTG (+6.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.29%**. Các mã diễn biến tích cực:
VTP (+6.99%)
CTR (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+6.00%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.13%	-0.29%	0.67%	-0.38%
1 tuần	4.09%	1.69%	4.67%	1.75%
1 tháng	5.99%	0.56%	8.66%	6.12%
3 tháng	0.91%	-6.74%	6.89%	4.32%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,867.90	247.10	121.83
% 1D	0.67%	-0.80%	0.20%
GTKL (tỷ VND)	36,107	2,106	806
%1D	-0.22%	-1.45%	-27.54%
GDNN (tỷ VND)	804.77	13.40	-30.62

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	540.45	VIX	-197.81
VHM	264.45	GMD	-167.63
MBB	240.03	GEX	-121.65
BID	223.32	KDH	-120.67
CTG	138.96	VJC	-95.71

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

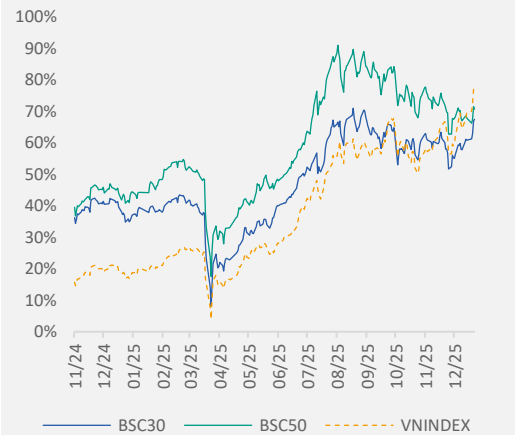
		%D	%W
SPX	6,921	0.01%	1.11%
FTSE100	10,080	0.35%	1.29%
Eurostoxx	5,946	0.68%	1.50%
Shanghai	4,120	0.92%	3.82%
Nikkei	51,940	1.61%	3.17%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.51	-0.38%
Giá vàng	4,468	-0.39%
Tỷ giá		
USD/VND	26,383	0.01%
EUR/VND	31,401	-0.20%
JPY/VND	171	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

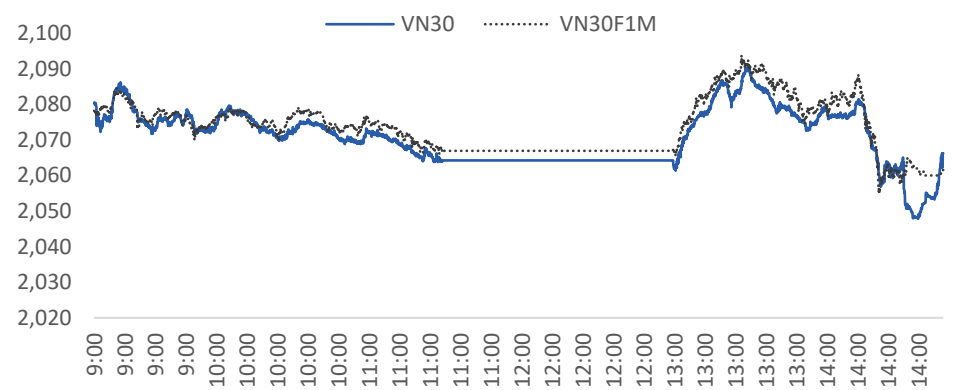
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
4111G1000	2061.60	-0.60%	327,097	13.6%	15/01/2026	6
4111G6000	2059.20	-0.59%	34	-55.3%	18/06/2026	160
4111G1000	2061.60	-0.60%	327,097	13.6%	15/01/2026	6
4111G3000	2055.20	-0.95%	86	34.38%	19/03/2026	69

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -7.82 điểm, đóng cửa tại 2066.21 điểm. Biên độ dao động 33.54 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MWG, MSN, STB, VJC tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với thanh khoản duy trì trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 4111G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2507	24/02/2026	46	10,800	21.21%	20.97	190	35.7%	0.04	21.33	17.60	17.60
CMBB2524	26/05/2026	137	92,700	6.37%	25.00	2,020	28.7%	1.82	29.04	27.30	27.30
CFPT2523	25/03/2026	75	61,400	23.25%	116.59	140	27.3%	0.02	120.05	97.40	97.40
CVPB2529	9/02/2026	31	167,800	34.51%	37.80	200	25.0%	0.00	38.00	28.25	28.25
CMBB2519	9/03/2026	59	770,800	7.33%	26.60	1,350	17.4%	0.92	29.30	27.30	27.30
CSTB2523	4/05/2026	115	4,700	23.68%	56.87	900	16.9%	0.36	64.07	51.80	51.80
CMBB2518	23/02/2026	45	809,000	0.38%	21.75	3,770	16.4%	3.80	27.41	27.30	27.30
CTCB2512	23/06/2026	165	674,400	10.42%	36.05	2,270	14.6%	2.00	40.47	36.65	36.65
CVHM2516	23/06/2026	165	20,700	9.71%	79.00	18,650	14.4%	15.68	153.60	140.00	140.00
CTCB2519	9/03/2026	59	1,199,000	21.04%	43.30	530	12.8%	0.15	44.36	36.65	36.65
CSSB2506	3/02/2026	25	101,300	19.51%	20.56	90	12.5%	0.00	20.74	17.35	17.35
CTCB2516	25/03/2026	75	185,500	25.86%	45.20	190	11.8%	0.05	46.13	36.65	36.65
CSSB2507	3/04/2026	84	22,600	27.72%	21.00	290	11.5%	0.02	22.16	17.35	17.35
CTCB2514	24/02/2026	46	38,300	10.71%	38.97	550	10.0%	0.31	40.58	36.65	36.65
CMBB2515	23/03/2026	73	218,800	0.47%	20.25	3,190	9.6%	3.23	27.43	27.30	27.30
CMBB2522	16/10/2026	280	87,100	26.30%	29.00	1,370	9.6%	0.67	34.48	27.30	27.30
CTCB2511	23/03/2026	73	175,900	3.96%	34.10	1,370	9.6%	1.31	38.10	36.65	36.65
CMBB2516	23/06/2026	165	162,400	3.41%	19.88	5,570	9.4%	5.30	28.23	27.30	27.30
CFPT2510	23/02/2026	45	60,600	37.59%	131.45	120	9.1%	0.00	134.01	97.40	97.40
CMBB2511	20/05/2026	131	814,400	0.58%	18.75	3,870	8.4%	3.95	27.46	27.30	27.30

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CTPB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 35.71%. CSTB2528 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.08%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CFPT2503, CSSB2509 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVIC2513, CVHM2512, CVHM2511, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	68.00	6.75%	8.32	8.36
BID	46.05	6.97%	4.89	7.02
CTG	40.75	6.68%	3.17	5.37
GAS	97.10	6.00%	3.05	2.41
GVR	31.60	5.16%	1.42	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	155.00	7.34%	1.29	0.20
IDC	39.00	2.90%	0.24	0.38
KSF	66.60	0.60%	0.20	0.90
DTK	13.30	3.10%	0.16	0.68
DNP	20.40	6.25%	0.10	0.14

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DCL	46.65	7.00%	0.05	1.75
VTP	107.10	6.99%	0.20	1.49
BID	46.05	6.97%	4.99	22.96
MSH	35.35	6.96%	0.06	1.14
CTR	95.90	6.91%	0.17	1.89

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBP	9.00	9.76%	0.05	0.10
VDL	9.00	9.76%	0.05	0.00
STC	15.00	9.49%	0.03	0.00
DDG	1.20	9.09%	0.04	2.18
CTB	18.50	8.82%	0.14	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.25	-3.42%	-1.66	7.93
VIC	176.00	-0.34%	-1.00	7.73
HDB	27.90	-3.13%	-0.73	3.86
VCK	46.00	-4.56%	-0.67	1.48
STB	51.80	-3.18%	-0.67	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	18.40	-8.91%	-0.53	0.57
SHS	18.80	-4.57%	-0.44	0.90
PVI	93.50	-2.60%	-0.32	0.23
HUT	15.50	-2.52%	-0.24	1.07
PVS	36.70	-1.34%	-0.14	0.51

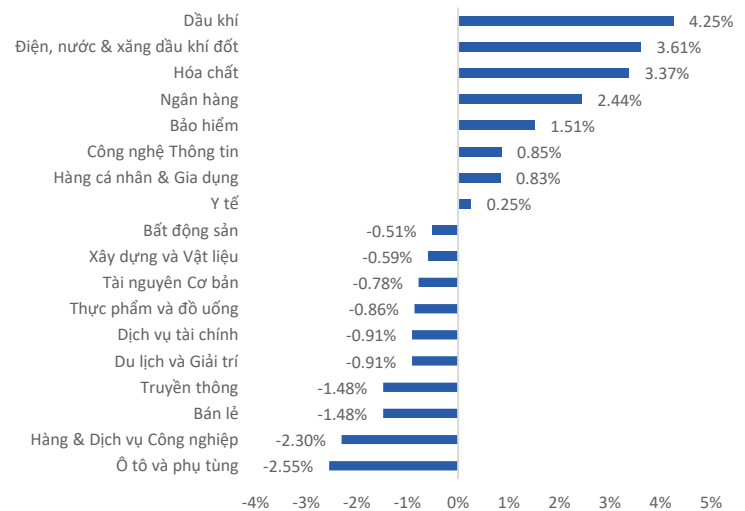
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAT	9.72	-6.99%	-0.01	0.04
DXS	8.16	-6.96%	-0.07	4.35
SGR	16.75	-6.94%	-0.02	0.40
HRC	26.20	-6.93%	-0.01	0.00
HID	4.73	-6.89%	-0.01	1.89

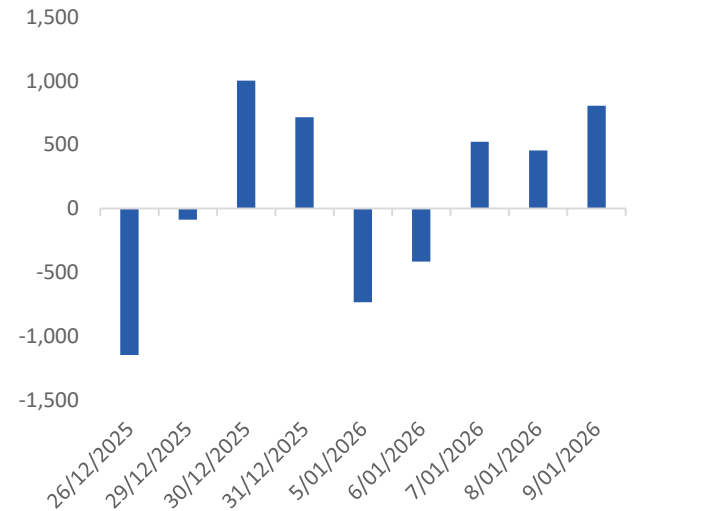
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	25.80	-9.79%	-0.03	0.01
POT	21.00	-9.48%	-0.16	0.01
CTP	6.70	-9.46%	-0.03	0.66
MIC	13.40	-9.46%	-0.05	0.02
VE3	7.80	-9.30%	0.00	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	86.0	-1.7%	1.2	128,490	567.4	3,957	22.1	106,000	47.4%	Link
KBC	Bất động sản	36.0	1.1%	1.1	33,526	341.6	1,872	19.0	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	28.6	-6.2%	1.2	34,228	449.0	857	35.6	39,900	28.4%	Link
PDR	Bất động sản	17.3	-6.8%	1.6	18,459	618.4	211	87.8	28,200	8.4%	Link
VHM	Bất động sản	140.0	0.7%	1.2	571,341	1371.8	6,133	22.7	119,600	8.7%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.4	0.9%	0.6	164,388	1013.6	5,280	18.3	118,700	39.3%	Link
BSR	Dầu khí	19.7	5.9%	0.0	93,136	765.0	413		23,200	0.9%	Link
PVS	Dầu khí	36.7	-1.3%	1.5	19,025	238.9	2,841	13.1	42,800	14.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.6	0.4%	1.3	24,299	204.9	1,328	16.9		34.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.4	-0.7%	1.3	76,103	915.5	1,848	16.5		33.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.6	-1.3%	1.2	28,903	262.3	1,571	21.7		17.3%	
DCM	Hóa chất	34.7	0.0%	1.2	18,344	103.1	3,578	9.7	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	62.7	-0.2%	1.2	23,850	254.4	8,296	7.6	109,300	6.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	0.0%	0.9	126,105	743.7	3,385	7.3	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	46.1	7.0%	1.0	302,270	1039.1	3,781	11.4	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	40.8	6.7%	1.1	296,697	1553.9	4,292	8.9	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	27.9	-3.1%	1.2	144,152	900.0	3,013	9.6	34,400	23.2%	Link
MBB	Ngân hàng	27.3	2.6%	1.1	214,263	1896.5	3,017	8.8	29,300	21.5%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	-1.2%	1.0	39,468	156.1	1,729	7.3	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	51.8	-3.2%	1.1	100,859	1130.0	6,519	8.2		15.3%	
TCB	Ngân hàng	36.7	1.8%	1.0	255,105	1480.3	3,111	11.6	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.6	-0.3%	1.1	48,962	454.4	2,358	7.5	-	25.0%	Link
VCB	Ngân hàng	68.0	6.8%	1.0	532,257	2178.3	4,202	15.2	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	0.9	61,272	183.1	2,225	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.3	-3.4%	1.0	232,067	1081.3	2,603	11.2	35,650	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.2	-0.8%	1.2	202,632	927.7	1,876	14.1	33,170	20.0%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	-1.0%	1.2	9,780	36.9	1,184	13.3	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.0	-2.1%	1.2	10,218	229.1	4,150	6.4	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	76.5	-2.3%	1.2	113,215	502.6	2,196	35.7	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.0	-1.9%	0.7	129,995	259.2	4,160	15.0	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	42.0	1.94%	1.3	9,112	72.0	2,409	17.1	22.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	143.5	-1.71%	0.9	24,864	80.2	3,620	40.3	32.6%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	67.5	1.96%	1.2	49,142	126.9	3,578	18.5	26.7%	11.3%	
DIG	Bất động sản	16.0	-5.88%	1.3	13,539	489.5	518	32.8	3.1%	4.4%	
DXG	Bất động sản	15.5	-6.06%	1.4	18,354	527.2	397	41.5	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	20.7	-5.28%	1.3	4,355	141.9	2,445	8.9	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.3	0.00%	1.5	9,730	160.0	938	28.0	20.4%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.0	2.90%	1.4	14,383	171.0	4,849	7.8	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	29.2	-5.97%	1.2	15,038	168.1	2,189	14.2	44.0%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.0	3.13%	1.1	13,147	28.6	5,474	9.9	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.3	1.51%	1.1	5,373	29.4	1,763	16.9	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	16.0	-6.73%	1.3	15,597	299.8	801	21.4	11.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	176.0	-0.34%	1.0	1,360,885	2004.4	1,147	153.9	3.0%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	35.0	-2.51%	1.0	81,576	572.5	2,144	16.7	14.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.1	2.21%	1.3	7,675	17.3	1,848	19.6	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	43.0	3.61%	1.0	52,730	347.6	2,090	19.9	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	29.5	-2.96%	1.1	16,899	293.0	1,602	19.0	11.1%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.3	-1.22%	1.3	11,330	38.3	1,262	25.9	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.2	0.00%	1.7	17,258	125.8	1,656	15.8	2.8%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	97.1	6.00%	1.1	221,026	440.7	5,014	18.3	2.1%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	2.86%	1.2	42,950	366.2	677	20.7	4.9%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.0	-1.13%	0.7	33,420	48.3	4,776	12.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	198.7	-2.12%	0.9	120,097	498.3	2,897	70.1	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.3	-6.55%	1.4	37,901	604.6	2,313	18.2	9.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.0	-1.59%	1.2	26,869	259.0	3,495	18.0	41.8%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.0	-1.04%	1.0	9,726	143.2	6,185	9.3	7.0%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.3	-2.17%	1.1	9,751	140.1	2,090	9.9	10.1%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	107.1	6.99%	0.0	12,190	156.2	3,139	31.9	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	103.0	0.00%	1.2	35,480	79.2	6,911	15.1	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.1	2.26%	1.0	2,969	62.2	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.2	4.35%	1.4	2,369	46.9	2,856	6.4	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.8	1.06%	1.1	15,978	143.6	1,212	19.4	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	31.6	5.16%	1.2	120,200	295.0	1,569	19.2	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.3	-2.52%	1.3	40,700	156.4	1,635	13.4	3.0%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.2	-1.90%	0.4	125,466	87.4	3,469	12.1	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.7	0.34%	0.0	25,049	23.2	2,337	6.3	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	11.8	-1.26%	0.9	31,823	34.1	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.8	-1.00%	1.3	6,691	84.3	571	26.2	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.0	-0.20%	1.3	6,656	39.9	2,829	8.8	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.2	-0.13%	0.6	11,325	81.8	1,715	21.7	3.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.0	1.35%	0.6	61,948	127.6	3,373	14.3	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.1	0.00%	1.0	12,816	35.1	6,944	8.2	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	175.1	0.40%	0.4	14,277	16.9	14,639	11.9	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.4	-0.14%	1.2	7,721	39.6	6,245	11.6	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	95.9	6.91%	1.1	10,260	179.0	5,128	17.5	5.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	36.0	-3.36%	1.3	3,755	31.5	3,037	12.3	5.6%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-1.98%	1.1	6,922	64.7	1,101	11.5	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.8	-2.86%	1.1	10,056	159.0	1,377	17.8	13.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.5	-4.03%	1.1	14,449	202.1	6,148	3.6	4.4%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.8	2.99%	1.4	19,503	96.0	3,090	14.1	2.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>